

Bản án số: 72/2021/HS-PT
Ngày 21-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Ông Lê Thanh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Đào Tiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 64/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2021, đối với bị cáo Vương Thị H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2021/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Vương Thị H, sinh năm 1963, tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vắn): 03/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương U và bà Lâm Thị O; có chồng Yên P và 04 con; tiền án không, tiền sự không; nhân thân tốt; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14-12-2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Bạch Sỹ C, Luật sư của Văn phòng luật sư B, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập gồm: Bị hại Vương Thị C1; Người làm chứng Lâm Thị Kim H1 và Lâm C2.

- Người phiên dịch tiếng Khmer: Bà Sơn Hồng V - Cán bộ hưu trí. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Vương Thị H và bị hại Vương Thị C1 là chị em ruột, cùng cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nhà ở liền vách với nhau. Trong cuộc sống hàng ngày, hai bên có xảy ra mâu thuẫn với nhau từ việc tranh chấp đất. Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22-3-2020, khi ông Lâm C2 (chồng bà C1) đang lợp mái tol nhà sau thì bị cáo đứng ở bên nhà mình nói qua với ông C2: “Sao lợp mái tol mà không làm máng xối, để trời mưa nước chảy qua nhà tôi rồi sao” thì giữa ông C2 và bị cáo xảy ra cự cãi; bà C1 đang ở trong nhà nghe bị cáo chửi ông C2 nên đi ra; bà C1 với bị cáo cự cãi nhau, trong lúc cãi nhau thì bà C1 kêu bị cáo đi ra phía trước đánh nhau, bà C1 lấy 01 khúc cây tre ở nhà sau của bà cầm trên tay phải đi qua nhà bị cáo, bị cáo cũng đi từ nhà sau ra nhà trước để đánh nhau với bà C1. Khi bị cáo đi lên tới nhà trước thì thấy bà C1 đang cầm khúc cây tre trên tay đứng trước cửa nhà mình, bị cáo cũng cầm lấy 01 cây dao, loại dao Thái Lan đang để sẵn trên bàn trong nhà trước của bị cáo, bị cáo cầm dao trên tay phải đứng đối diện với bà C1, khoảng cách giữa hai người khoảng 1,5m. Khi bà C1 tay phải cầm khúc cây tre giơ lên định đánh bị cáo, nhưng chưa kịp đánh thì bị cáo cầm dao trên tay phải phóng (chọi) về phía bà C1 làm cho lưỡi dao trúng vào cẳng tay phải của bà C1 gây thương tích. Ngay sau đó, bị cáo nhào ra dùng hai tay nắm tóc bà C1 kéo xuống làm cả hai té trên nền gạch trước hàng ba nhà của bị cáo, lúc này con gái của bà C1 là Lâm Thị Kim H1 (nhà ở đối diện với nhà bị cáo) nhìn thấy mới đi qua can ngăn và đưa bà C1 đi bệnh viện cấp cứu và điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 349/TgT-PY ngày 09-12-2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà C1 do thương tích gây nên là 14%; Tổn thương do vật sắc gây nên; Tổn thương không nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng; Tổn thương gây ảnh hưởng chức năng các ngón 2, 3, 4, 5 bàn tay phải.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 khúc cây tre đã khô, có tổng chiều dài 78cm, hai đầu bị gãy không rõ hình, đường kính chỗ rộng nhất là 3,5cm, chỗ nhỏ nhất là 2,5cm, trên khúc cây tre có dính chất dịch màu đỏ đã khô và 01 cây dao (loại dao Thái Lan) có tổng chiều dài 28cm, phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 16cm, có mũi nhọn, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 3,7cm, lưỡi dao một bề sắc bén, một bề tù, phần cán dao bằng nhựa màu đen dài 12cm, đầu cán dao có một lỗ tròn có đường kính 01cm, trên cán dao có khắc dòng chữ KIWI, mũi dao có dính chất dịch màu đỏ đã khô.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2021/HS-ST ngày 23-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố: Bị cáo Vương Thị H phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Vương Thị H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Ngoài ra,

bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Đến ngày 07-7-2021, bị cáo Vương Thị H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, với lý do: Sự việc xảy ra là có lỗi của bị hại Vương Thị C1, bị hại xông vào nhà tấn công bị cáo trước và trước khi sự việc xảy ra thì hai bên đã có mâu thuẫn về việc tranh chấp đất đai, bị hại đã nhiều lần đánh bị cáo làm cho bị cáo không kiềm chế được.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Vương Thị H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày bào chữa: Cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo H phạm tội cố ý gây thương tích là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ sau đây mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đó là nguyên nhân dẫn đến bị cáo gây thương tích cho bị hại là do bị hại thách thức, qua nhà tấn công bị cáo trước dẫn đến bị cáo bị kích động về tinh thần mà phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại cũng đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại cho bị hại theo bản án sơ thẩm đã tuyên, cụ thể là vào ngày 14-9-2021, bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng, thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo cũng đủ điều kiện để được hưởng án treo nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày quan điểm: Kháng cáo của bị cáo H là hợp pháp. Về nội dung kháng cáo của bị cáo H, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có nộp chứng cứ thể hiện sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M để bồi thường thiệt hại cho bị hại, thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo nên bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ; còn việc bị cáo xin được hưởng án treo là chưa phù hợp, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và áp dụng Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo H từ 06 tháng tù đến 07 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Vương Thị H đảm bảo về hình thức và nội dung kháng cáo, đúng người có quyền kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H đều thừa nhận: Bị cáo và bị hại C1 là chị em ruột, hai nhà liền vách nhau, ở ấp T, xã T, huyện M và có mâu thuẫn từ trước về việc tranh chấp đất đai nên vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22-3-2020, khi chồng bà C1 lợp mái tol nhà thì hai bên tiếp tục lời qua tiếng lại với nhau, bà C1 thách thức và lấy 01 khúc cây tre cầm đi qua nhà bị cáo, bị cáo cũng đi từ nhà sau ra nhà trước để đánh nhau với bà C1; khi bị cáo đi lên tới nhà trước thấy bà C1 đang cầm khúc cây tre đứng trước cửa nhà mình thì bị cáo cũng lấy 01 cây dao (loại dao Thái Lan) đang để sẵn trên bàn trong nhà cầm trên tay phải và đứng đối diện với bà C1 cách khoảng 1,5m; khi bà C1 cầm khúc cây tre giơ lên đánh bị cáo thì bị cáo cầm dao phóng (chọi) về phía bà C1 làm cho lưỡi dao trúng vào cẳng tay phải của bà C1, tiếp đó bị cáo nhào ra dùng hai tay nắm tóc bà C1 kéo xuống làm cả hai té trên nền gạch trước hàng ba nhà của bị cáo, con gái bà C1 là Lâm Thị Kim H1 nhìn thấy chạy qua can ngăn thì sự việc mới kết thúc. Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 349/TgT-PY ngày 09-12-2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng thì tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà C1 do thương tích gây nên là 14%, tổn thương do vật sắc gây nên, tổn thương không nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng, tổn thương gây ảnh hưởng chức năng các ngón 2, 3, 4, 5 bàn tay phải. Việc bị cáo H dùng dao là loại hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại C1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể 14% là phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo H phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, khi quyết định hình phạt, Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ sau đây cho bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật có phần hạn chế; sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp tiền khắc phục được một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; sự việc xảy ra có một phần lỗi của bị hại, theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại còn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng là có thiếu sót nên cấp

phúc thẩm bổ sung thêm. Người bào chữa đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, hành vi của bị hại chưa đến mức làm cho bị cáo phải mất khả năng kiểm soát và điều khiển hành vi của mình, mà vẫn có thời gian để lựa chọn cách xử sự khác phù hợp hơn, do đó cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là bị hại có một phần lỗi là phù hợp. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có cung cấp 01 biên lai thu tiền số 000693 ngày 14-9-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nội dung là bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả cho bị hại C1 với số tiền 20.000.000 đồng, điều này thể hiện sau khi phạm tội bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, nếu cho bị cáo hưởng án treo thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước ta, mà cố gắng tự cải tạo, học tập, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo H; chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên, của người bào chữa cho bị cáo và căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo H không phải chịu.

[7] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vương Thị H, về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vương Thị H, về việc xin được hưởng án treo.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Vương Thị H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 21 tháng 9 năm 2021).

Giao bị cáo Vương Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Vương Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Vương Thị H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vương Thị H không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- VKSND h. Mỹ Xuyên (01 bản);
- TAND h. Mỹ Xuyên (02 bản);
- Công an h. Mỹ Xuyên (01 bản);
- Chi cục THADS h. M (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Người bào chữa (01 bản);
- Bị hại (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm